

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08-6-2021
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mai L

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Lập
2. Bà Lê Thị Xuân Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tú - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 6 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2021/TLST-HNGĐ ngày 12/01/2021 về tranh chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 24/5/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T - sinh năm 1967
Địa chỉ: Tổ 33 khu 2, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh
Có mặt tại phiên tòa
2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn B - sinh năm 1958
Địa chỉ: Tổ 33 khu 2, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh
Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày: bà và ông Nguyễn Văn B tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 10/12/1993, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Trước đó, hai bên có thời gian tìm hiểu 2 năm và đều kết hôn lần đầu.

Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2001 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai bên không hòa hợp, không thể trao đổi, chia sẻ với nhau về mọi mặt trong cuộc sống. Do vậy tình cảm vợ chồng mất mát dần, tuy sống cùng một nhà nhưng đã sống ly thân không ai quan T đến ai. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, mệt mỏi không thể sống cùng nhau được nữa, tình cảm vợ chồng không còn, quan điểm của bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Về con chung: vợ chồng có 01 con Nguyễn Thùy L – sinh ngày 31/3/1995, hiện đã thành niên và không có nhược điểm gì về thể chất, tinh thần.

Về tài sản chung: bà T không yêu cầu tòa án giải quyết. Vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có quan điểm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H có quan điểm tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, còn bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án theo quy định tại điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký và hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là “ly hôn”, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập ngày 10/12/1993, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh theo đúng quy định của pháp luật, do vậy quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được điều chỉnh theo Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự đã thể hiện:

Mâu thuẫn của vợ chồng giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn B xảy ra từ năm 2001, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của bà T là do bất đồng quan điểm sống. Đại diện chính quyền địa phương cũng xác nhận vợ chồng bà T, ông B có mâu thuẫn đã lâu, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, nên việc hòa giải không tiến hành được.

Như vậy là mâu thuẫn của vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị T với ông Nguyễn Văn B là có căn cứ theo quy định tại điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: vợ chồng có 01 con Nguyễn Thùy L - sinh ngày 31/3/1995, đã thành niên và không có nhược điểm gì về thể chất, tinh thần, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

[6] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 147, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn ông Nguyễn Văn B.

- Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 03168 ngày 11/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh QN
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh QN
- Viện kiểm sát nhân dân TP H
- Chi cục Thi hành án dân sự TP H
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Mai L

